

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **81/2021/HS-ST**
Ngày: 07/10/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vinh và bà Đặng Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Yên Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Yên Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng, ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 06, 07/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2021/TLST-HS, ngày 03 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/HSST-QĐ ngày 28/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/HSST-QĐ ngày 13/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/HSST-QĐ ngày 31/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/HSST-QĐ ngày 24/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/HSST-QĐ ngày 27/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/HSST-QĐ ngày 04/10/2021 đối với các bị cáo:

1. Cao Thị T, sinh ngày 01/5/1968 tại Huyện ĐH, tỉnh PT.

Nơi cư trú: tổ 2, phường TQ, T phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Cao H H (đã chết) và bà Đỗ Thị Q (đã chết); chồng: Lưu Văn T1, sinh năm 1959; con: Có 02 con lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1994;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Trần Văn H; Sinh ngày 02/9/1990 tại Huyện HY, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: thôn TT, xã Thái Hòa, Huyện HY, Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Văn T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm

1965; vợ: Trần Thị N, sinh năm 1999; con: có 02 con, lớn sinh năm 2012 nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án: Bản án số 06/2020/HS-ST ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân Huyện HY, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Trần Văn H 01 năm 03 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (chấp hành xong ngày 22/9/2021).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPVPHC ngày 26/9/2018 của Công an xã Thái Hòa, Huyện HY xử phạt Trần Văn H số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (đã nộp phạt ngày 03/10/2018).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Phạm Văn T4; Sinh ngày 09/9/1988 tại Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn VL, xã TQ, Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang (nay là tổ dân phố VL, thị trấn Yên Sơn, Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Phạm Thị B, sinh năm 1968; vợ: Long Thị L, sinh năm 1998; con: có 02 con, lớn sinh năm 2016 nhỏ sinh năm 2020;

Tiền án:

+ Bản án số 51/2015/HSST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Phạm Văn T4 10 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp 3.445.000 đồng, chưa được xóa án tích).

+ Bản án số 12/2018/HSST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Phạm Văn T4 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp 700.000 đồng, chấp hành xong ngày 23/11/2018 chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 171/QĐ-XPVC ngày 30/5/2013 của Công an Huyện Yên Sơn xử phạt Phạm Văn T4 1.000.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác (nộp phạt ngày 06/6/2013).

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 59/QĐ-XPVPHC ngày 08/02/2014 của Công an Huyện Yên Sơn xử phạt Phạm Văn T4 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (nộp phạt ngày 20/02/2014).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Hoàng Văn N; Sinh ngày 20/3/1993 tại Huyện HY, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn Uôm, xã H Đức, Huyện HY, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Hoàng Văn Bắc (đã chết) và bà Trần Thị Lìn, sinh năm 1973; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Bùi Văn H; Sinh ngày 11/5/1990 tại Huyện HY, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: thôn TT, xã Thái Hòa, Hện HY, Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Bùi Văn K, sinh năm 1970 và bà La Thị X, sinh năm 1973; vợ: Tạ Thị T5 - sinh năm 1996 (đã ly hôn); con: có 01 con sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 69/2008/HSST ngày 10/12/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Bùi Văn H 07 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản (chấp hành xong ngày 30/8/2011).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Đàm Văn B; Sinh ngày 11/10/1997 tại Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 3, phường ML, T phố Tuyên Quang, Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Đàm M X1, sinh năm 1932 và bà Trần Thị T5, sinh năm 1957; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Lưu Văn T; Sinh ngày 11/5/1959 tại thị xã PT, tỉnh PT.

Nơi cư trú: Tổ 2, phường TQ, T phố Tuyên Quang, Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Lưu Văn C (đã chết) và bà Tạ Thị C1 (đã chết); vợ: Cao Thị T2, sinh năm 1968; con: Có 02 con lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Lê Thị O; Sinh ngày 12/4/1969 tại tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi cư trú: Thôn VL, xã TQ, Hện Yên Sơn, Tuyên Quang (nay là tổ dân phố VL, thị trấn Yên Sơn, Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông : Lê Văn C3 (đã chết) và bà Đỗ Thị T6, sinh năm 1936; chồng: Bùi Xuân N1 (đã chết); con: Có 03 con lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. Trần Duy H; Sinh ngày 24/5/1971 tại T phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 15, phường MX, T phố Tuyên Quang, Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Xuân T7 (đã chết) và bà Trương Thị H2, sinh năm 1945; vợ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1977; con: Có 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Cao Thị T:* Ông Lê Anh Ngọc – Luật sư Công ty TNHH N Bình. Có mặt khi xét hỏi, vắng mặt khi tranh luận và tuyên án.

* Bị hại:

1. Ông Trần Văn B2, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn CC, xã VL, Hện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Ông Trần Văn D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 3, phường NT, T phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn D: Ông Trần Văn B2

Địa chỉ: Thôn CC, xã VL, Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Trần Văn B2:* Ông Nguyễn Duy M – Luật sư Công ty Luật TNHH Nhật Duy. Có mặt khi xét hỏi, vắng mặt khi tranh luận và Tuyên án.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần công nghiệp TH. Địa chỉ: Tổ 9, phường TH, T phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn CC, xã VL, Hện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

2. Anh Bùi Văn S, sinh năm 1988.

3. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991.

4. Chị Cao Thị N, sinh năm 1979.

5. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Thôn VL, xã TQ, Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

6. Anh Đỗ Văn H1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn A, xã ĐL, Hện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

7. Chị Nguyễn Thị N3, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 6, phố N, thị trấn ĐH, Hện ĐH, tỉnh PT.

8. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Văn M, xã VL, Hện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

9. Ông Nguyễn Lưu H7, sinh năm 1963.

10. Ông Trần Văn P, sinh năm 1961.

11. Ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1970.

12. Ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Thôn 11, xã TL, Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

13. Ông Trần Văn H, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Thôn 9, xã TL, Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 06/2020, Công ty cổ phần Công nghiệp TH có địa chỉ tại tổ 9, phường TH, T phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*được cấp phép khai thác cát sỏi tại khu vực sông Lô thuộc địa phận các thôn VL, xã TQ, Hện Yên Sơn và thôn 11, xã TL, Hện Yên Sơn*) có lập hợp đồng thuê 02 tàu khai thác cát, sỏi của

Trần Văn B2 và Trần Văn D để tiến hành khai thác cát, sỏi (*tàu của D giao cho B2 quản lý*).

Do Cao Thị T (*có trang trại nuôi lợn tại thôn VL, xã TQ, Hện Yên Sơn giáp với khu vực nơi B2 khai thác cát*) lo sợ tàu khai thác cát của B2 hút cát gây sạt lở đất ảnh hưởng đến khu vực chăn nuôi, trong khoảng thời gian từ ngày 04/9/2020 đến ngày 09/9/2020, Cao Thị T đã cùng Lưu Văn T (chồng T); Trần Văn H, Bùi Văn H, Hoàng Văn N (H là cháu họ của T, N, H là bạn của H); Đàm Văn B, Trần Duy H, Phạm Văn T4, Lê Thị O (B, H, T4, O là người làm thuê tại trang trại của T) đã lên tàu khai thác cát sỏi của B2 để chặt dây neo tàu mục đích không cho tàu khai thác cát, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 04/9/2020, T cùng T đi đến trang trại thấy 02 tàu cát của B2 đang hút cát ở khu vực sông Lô gần với trang trại của mình. Cùng lúc đó T gọi điện cho H rủ H xuống trang trại nhà T chơi (hôm đó T mổ lợn tại trang trại để ăn). H đồng ý, khi đi H rủ thêm N và H cùng đi đến trang trại của T. Khoảng 12 giờ cùng ngày, sau nhiều lần ra tàu cát nhắc nhưng tàu cát không dừng hoạt động, T nói với H, N, H và Phạm Văn T (T là hàng xóm cạnh trang trại của T) với nội dung “*Chúng mày ra nhắc tàu nghỉ không làm gần bờ, nếu không nghe thì chặt neo tàu*” (dây neo bằng kim loại ở đầu có gắn mỏ neo sử dụng để neo tàu cố định trên sông khi dừng tàu hoặc khai thác), sau đó T gọi điện nhờ Nguyễn Văn Tường chèo thuyền nan chở H, N, H, T mang theo 01 chiếc búa bằng kim loại cán gỗ (búa dùng để bở củi) ra vị trí tàu cát đang khai thác. Lên tàu cả nhóm yêu cầu Bùi Văn S, Đỗ Văn Hiệp, Vũ Văn D, Trần Văn H (S, Hiệp, D, H là công nhân làm trên tàu cát) dừng khai thác nhưng không được sự nhất trí, hai bên cãi nhau, N đã dùng tay tát 03 phát vào mặt của S. Sau đó T trực tiếp dùng búa chặt dây neo nhưng vừa chặt búa bị gãy nên 4 người lên thuyền của Tường đi về, sự việc buổi S 04/9/2020 chấm dứt và hành vi hủy hoại của các bị cáo không T.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, do bức xúc việc tàu cát tiếp tục hoạt động nên T nói với H, N, H và T4 “*cho tao ra tàu, tao chặt neo tàu*”, sợ T sức khỏe yếu bị ngã xuống sông, T nói với H, N, H “*đi theo đờ bác T với*” và T tiếp tục gọi điện nhờ Tường cho mượn thuyền. Sau đó T mang theo 01 chiếc búa bở củi bằng kim loại có cán bằng kim loại cùng H, N, H lên thuyền để T4 chèo thuyền chở ra tàu cát (tàu của D). Tại đây, T dùng búa chặt dây neo 4-5 phát nhưng dây chưa đứt, do sức khỏe yếu T đưa lại búa cho N, N chặt vài phát nhưng không đứt thì đưa búa lại cho H chặt đứt 02 dây cáp neo tàu bằng kim loại dài 70 mét làm dây rơi xuống sông (trong đó có 01 dây phi 18, 01 dây phi 20; đầu mỗi dây có gắn 01 quả neo bằng kim loại nặng 80kg). T cùng N, H thấy 01 quả neo dự phòng trên tàu nên đã cùng nhau bê ném xuống sông sau đó cả 04 người lên thuyền nan để T4 chèo thuyền về.

Lần 2: Khoảng 08 giờ ngày 05/9/2020, khi T đang ở trang trại thì thấy 02 tàu khai thác cát của B2 hoạt động hút cát sỏi ở khu vực sông Lô ngang với trang trại của mình. Lúc này T đi đến nói với T4, H, N, H, B “*đi ra chặt cáp neo tàu, lần này không nhắc nhở nữa*”. Nghe T nói cả 05 người đồng ý, B đi vào lấy 01 chiếc búa bằng kim loại có cán bằng kim loại rồi 05 người lên thuyền nan của T,

T4 chèo tHền đi ra tàu của B2 đang khai thác. Khi lên tàu thấy có Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Văn C (Phú và C là công nhân làm trên tàu cát) T4 yêu cầu tàu dừng khai thác nhưng không được, T4 cầm búa đi đến đầu tàu vị trí thả dây cáp neo tàu dùng búa chặt nhiều nhất làm đứt 01 dây cáp phi 18 dài 70 mét (ở đầu có gắn 01 quả neo bằng kim loại nặng 80kg) làm dây rơi xuống sông. Sau khi chặt xong 05 người cùng nhau lên tHền về trang trại.

Lần 3: Khoảng 15 giờ ngày 07/9/2020, thấy tàu cát của B2 lại hút cát gần khu vực trang trại, T tiếp tục nói với H, N, Bùi Văn H, T4 và Trần Duy H “*đi ra sông đuổi tàu không cho khai thác gần bờ trang trại*”. 05 người đồng ý, T thấy Trần Duy H mang theo 01 búa bằng kim loại có cán bằng kim loại của trang trại lên tHền nan, T4 chèo tHền đi ra tàu khai thác cát sỏi của B2. Tại đây, Trần Duy H dùng búa trực tiếp chặt đứt 02 dây cáp neo tàu loại phi 18 dài 60 mét (ở đầu mỗi dây có gắn 01 quả neo bằng kim loại nặng 80kg) làm dây cáp rơi xuống sông. Sau đó 5 người đi tHền về trang trại.

Lần 4: Khoảng 04 giờ ngày 09/9/2020, O gọi điện cho T nói tàu cát của B2 hoạt động cả đêm tại khu vực sông gần trang trại nên bức xúc và O sẽ trực tiếp đi ra tàu chặt dây cáp neo. Do sợ đi tHền trời tối ngã xuống sông nên T bảo O “*Chờ S hẵn thì ra*”. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, O tự một mình đi sang trang trại của T rủ B, H, N, T4 đi ra tàu, 04 người đồng ý, B lấy chiếc 02 búa bằng kim loại có cán bằng kim loại rồi lên tHền nan do T4 chèo đi ra tàu cát của B2. O đi đến vị trí thả dây cáp neo tàu dùng búa chặt dây nhưng không đứt hẳn. B tiếp tục dùng búa chặt làm đứt 02 dây neo tàu loại phi 18 dài 70 mét (ở đầu mỗi dây có gắn 01 quả neo bằng kim loại nặng 80kg) làm dây cáp rơi xuống sông. Sau đó 5 người đi tHền về trang trại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 71 ngày 15/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Hện Yên Sơn, kết luận:

- 70 mét dây cáp neo tàu bằng kim loại lõi thép liên dO nhãn hiệu Universal loại dây phi 20 có giá là 4.914.000 đồng.
- 400 mét dây cáp neo tàu bằng kim loại lõi thép liên dO nhãn hiệu Universal loại dây phi 18 có giá là 23.010.000 đồng.
- 08 quả neo bằng kim loại mỗi quả dài 2,4m nặng 80kg có giá là 17.940.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 45.864.000 đồng (*Bốn mươi năm triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn đồng*).

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKSYS, ngày 28/5/2021 Viện kiểm sát nhân dân Hện Yên Sơn đã truy tố Cao Thị T, Lưu Văn T, Hoàng Văn N, Trần Văn H, Bùi Văn H, Đàm Văn B, Phạm Văn T4, Trần Duy H, Lê Thị O về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố: Cao Thị T, Lưu Văn T, Hoàng Văn N, Trần Văn H, Bùi Văn H, Đàm Văn B, Phạm Văn T4, Trần Duy H, Lê Thị O phạm tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; 58 của Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn H, Phạm T4, Bùi Văn H, áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T4, Trần Văn H.

Xử phạt:

1. Trần Văn H từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Phạm Văn T4 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Bùi Văn H 08 đến 11 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; 58 của Bộ luật Hình sự đối với Cao Thị T, Hoàng Văn N, Đàm Văn B xử phạt:

1. Cao Thị T từ 27 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân phường TQ, T phố Tuyên Quang được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

2. Hoàng Văn N từ 21 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân xã H Đức, Hện HY được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

3. Đàm Văn B 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân phường ML, T phố Tuyên Quang được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; 58 của Bộ luật Hình sự đối với Lưu Văn T, Lê Thị O, Trần Duy H xử phạt:

1. Lưu Văn T 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân phường TQ, T phố Tuyên Quang được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

2. Lê Thị O 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân thị trấn Yên Sơn, Hện Yên Sơn được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

3. Trần Duy H 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân phường MX, T phố Tuyên Quang được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

- Về phần dân sự các bị cáo đã bồi thường cho các bị hại, các bị hại không có đề nghị gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy 01 búa bằng kim loại cán dài 92 cm, bản búa dài 20,6 cm; 01 búa bằng kim loại cán dài 55 cm, bản búa dài 18,3 cm.

Trả lại cho bị cáo T 01 tHuyền nan chất xi măng dài 4,55m

Đối với dây neo tàu, quả neo bị các bị cáo chặt thả xuống sông cơ quan điều tra không trực vớt được nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Đối với 03 điện thoại các bị cáo T, O, B sử dụng để liên lạc đã làm hỏng mất không thu giữ được nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để quyết định về án phí; áp dụng các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Cao Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T chỉ phạm tội 01 lần, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là T khẩn khai báo ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, chính quyền địa phương đề nghị cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, bị hại có một phần lỗi, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Người bào chữa cho bị hại Trần Văn B2 đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, các bị cáo đã bồi thường xong phần dân sự, bị hại không đề nghị gì thêm.

Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo H, T4, Bùi Văn H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức án nhẹ nhất. Các bị cáo T, N, B, T, O, Trần Duy H xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng M bằng biên bản khám nghiệm, biên bản xác M, bản ảnh hiện trường, bản kết luận định giá tài sản, lời khai người người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 04/9/2020 đến

ngày 09/9/2020, do thấy tàu khai thác cát sỏi của Trần Văn B2 khai thác gần trang trại của mình (tại khu vực sông Lô thuộc thôn VL, xã TQ, Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang) nghĩ việc tàu hút cát có thể gây sạt lở đất của trang trại nên Cao Thị T, Lưu Văn T, Hoàng Văn N, Trần Văn H, Bùi Văn H, Đàm Văn B, Trần Duy H, Phạm Văn T4, Lê Thị O đã có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của Trần Văn B2, như sau:

Lần 1: Khoảng 14 giờ ngày 04/9/2020, tại khu vực sông Lô thuộc thôn VL, xã TQ, Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, các bị cáo Lưu Văn T, Cao Thị T, Trần Văn H, Bùi Văn H, Hoàng Văn N, Phạm Văn T4 đã có hành vi dùng 01 chiếc búa làm bằng kim loại chặt đứt làm mất 02 dây cáp bằng kim loại dài 70 mét (01 dây phi 18, 01 dây phi 20) và 03 quả neo nặng 80kg, trị giá tài sản bị thiệt hại là 15.668.250 đồng.

Lần 2: Khoảng 08 giờ ngày 05/9/2020, tại khu vực sông Lô thuộc thôn VL, xã TQ, Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, các bị cáo Cao Thị T, Đàm Văn B, Trần Văn H, Bùi Văn H, Hoàng Văn N, Phạm Văn T4 đã có hành vi dùng 01 chiếc búa làm bằng kim loại chặt đứt làm mất 01 dây cáp bằng kim loại phi 18 dài 70 mét và 02 quả neo nặng 80kg, trị giá tài sản bị thiệt hại là 6.269.250 đồng.

Lần 3: Khoảng 15 giờ ngày 07/9/2020, tại khu vực sông Lô thuộc thôn VL, xã TQ, Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, các bị cáo Cao Thị T, Trần Duy H, Trần Văn H, Bùi Văn H, Hoàng Văn N, Phạm Văn T4 đã có hành vi dùng 01 chiếc búa làm bằng kim loại chặt đứt làm mất 02 dây cáp bằng kim loại phi 18 dài 60 mét và 02 quả neo nặng 80kg, trị giá tài sản bị thiệt hại là 11.388.000 đồng.

Lần 4: Khoảng 06 giờ ngày 09/9/2020, tại khu vực sông Lô thuộc thôn VL, xã TQ, Hện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, các bị cáo Lê Thị O, Cao Thị T, Đàm Văn B, Trần Văn H, Hoàng Văn N, Phạm Văn T4 đã có hành vi dùng 02 chiếc búa làm bằng kim loại chặt đứt làm mất 02 dây cáp bằng kim loại phi 18 dài 70 mét và 02 quả neo nặng 80kg, trị giá tài sản bị thiệt hại là 12.538.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản thiệt hại là **45.864.000** đồng (*bốn mươi năm triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn đồng*).

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Hện Yên Sơn truy tố các bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân công nhiệm vụ, vai trò cụ thể giữa những người cùng thực hiện tội phạm, do vậy không bị coi là phạm tội có tổ chức. Vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo Cao Thị T được tham gia khởi xướng 02 lần 05/9/2020, 07/9/2020; 02 lần còn lại bị cáo tham gia với vai trò giúp sức về vật chất và tinh thần nên có vai trò lớn nhất. Tuy nhiên bị cáo không được phân công vai trò nhiệm vụ từng người và không được trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ là T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có đơn xin xác nhận luôn chấp hành tốt các quy định về pháp luật ở địa phương để được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đã được chính quyền địa phương xem xét và xác nhận là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn H, Phạm Văn T4, Hoàng Văn N tham gia với vai trò là người thực hành, giúp sức cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. các bị cáo được tham gia hủy hoại tài sản 04 lần trong đó có 01 lần trực tiếp chặt dây neo, 03 lần tham gia với vai trò là đồng phạm giúp sức về tinh thần nên có vai trò lớn thứ hai sau bị cáo T. Bị cáo T4, H đều có 01 tiền án, lần phạm tội này của các bị cáo được xác định là tái phạm. Trong vụ án này các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có đơn xin xác nhận luôn chấp hành tốt các quy định về pháp luật ở địa phương để được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đã được chính quyền địa phương xem xét và xác nhận.

Bị cáo Bùi Văn H, Đàm Văn B tham gia với vai trò người thực hành (trong đó H tham gia 03 lần, B tham gia 02 lần) nên vai trò lớn thứ ba trong vụ án. Bị cáo H có nhân thân xấu đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử về tội Cướp tài sản năm 2008. Tuy nhiên cũng cần xem xét cho hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo B chưa có tiền án tiền sự, được chính quyền địa phương xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Các bị cáo Lưu Văn T, Lê Thị O, Trần Duy H đều 01 lần thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T, O đều 01 lần khởi xướng thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ là T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự cho bị cáo; các bị cáo có đơn xin xác nhận luôn chấp hành tốt các quy định về pháp luật ở địa phương để được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đã được chính quyền địa phương xem xét và xác nhận được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cả 03 bị cáo đều tham gia 01 lần nên có vai trò thấp nhất trong vụ án.

Xét nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo Trần Văn H, Phạm Văn T4 phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo Bùi Văn H có nhân thân xấu đã từng bị Tòa án xét xử bằng một bản án nhưng không lấy đó làm bài học vẫn tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội. Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội do sự rủ rê của người khác.

Bị cáo Cao Thị T tham gia hủy hoại tài sản ngày 05, 07/9/2020 với tư cách là người khởi xướng, ngày 04/9/2020 tham gia với tư cách là người giúp sức về vật chất (gọi thên nạn để cho các bị cáo ra tàu), ngày 09/9/2020 tham gia với tư cách là đồng phạm giúp sức về tinh thần. Các lần trên bị cáo T đều không trực tiếp tham gia và không chứng kiến các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, cũng cần xem xét cho bị cáo T phạm tội nguyên nhân do bức xúc với hành vi của bị hại, việc 02 tàu khai thác cát của anh B2 thường xuyên khai thác cát suốt ngày đêm gần bờ nơi có trang trại của bị cáo T và các hộ dân sinh sống gây nguy cơ sạt lở đến đất của trang trại, bị cáo sau nhiều lần nhắc nhở không được đã làm đơn gửi đến chính quyền địa phương, chính quyền địa phương và Công an xã đã về thực địa lập biên bản sự việc thể hiện khu đất trang trại của bị cáo T (gần khu vực khai thác cát của anh B2) có bị nứt, sạt lở đất nhưng chính quyền địa phương chỉ lập biên bản sự việc và có ý kiến sẽ đề xuất lên cơ quan có thẩm quyền cao hơn xem xét và đưa ra kết luận nhưng không có cơ quan có thẩm quyền nào kết luận về sự việc trên. Đồng thời tàu hút cát của anh B2 khai thác cát sỏi không đúng quy định về thời gian gây ra việc ồn ào, Hên náo làm ảnh hưởng đến đời sống của gia đình bị cáo cũng như của người dân xung quanh trong thời gian nghỉ ngơi, việc khai thác cát không đúng thời gian quy định của anh B2 đã bị cơ quan thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Do vậy cũng cần xem xét cho bị cáo động cơ, mục đích phạm tội do bức xúc với hành vi của bị hại (có cả hành vi không đúng quy định của bị hại là khai thác cát vào khung giờ không cho phép) và muốn cho các tàu dừng khai thác cát gần bờ tránh làm ảnh hưởng đến đất đai và đời sống của người dân. Việc phạm tội là tự phát, không có sự chuẩn bị, phân công, sắp đặt từ trước.

Bị cáo Đàm Văn B, Hoàng Văn N chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Lưu Văn T, Lê Thị O, Trần Duy H khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần xem xét cho các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Cao Thị T, Hoàng Văn N, Đàm Văn B, Lưu Văn T, Lê Thị O, Trần Duy H có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo.

Đối với luận cứ bào chữa cho bị cáo T của luật sư: Luật sư đề nghị xem xét bị cáo chỉ phạm tội 01 lần vào ngày 05/9/2020 nhưng căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo được 02 lần khởi xướng thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 05, 07/9/2020 còn ngày 04, 09/9/2020 bị cáo tuy không khởi xướng, không trực tiếp thực hiện nhưng được tham gia với vai trò giúp sức về vật chất (ngày 04/9/2020 gọi tHền nan chở các bị cáo ra tàu) và giúp sức về tinh thần (ngày 09/9/2020). Vì vậy không có căn cứ xem xét bị cáo T phạm tội 01 lần. Do đó cũng không có căn cứ chấp nhận xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu. Việc luật sư cho rằng bị cáo phạm tội do lỗi của bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy, việc khai thác cát của các bị hại trên hiện theo hợp đồng kinh tế, mỏ cát đã được cấp có thẩm quyền cấp phép khai thác. Đồng thời, việc đất của nhà bị cáo T bị sạt lở cơ quan có thẩm quyền mới chỉ lập biên bản sự việc chưa có kết luận cuối cùng khẳng định việc sạt lở đất là do bị hại hút cát gây ra nên không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ là lỗi do bị hại. Tuy nhiên việc bị hại khai thác cát ngoài khung giờ cho phép đã bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và việc gia đình bị cáo nhiều lần có đơn đề nghị chính quyền địa phương nhưng chưa được giải quyết triệt để dẫn đến những bức xúc dồn nén nhiều ngày nên bị cáo đã có hành vi vi phạm pháp luật để xem xét cho bị cáo.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Cao Thị T, Hoàng Văn N, Trần Văn H, Bùi Văn H, Đàm Văn B, Phạm Văn T4 phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Văn H, Phạm Văn T4 phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo (09 bị cáo) T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lưu Văn T, Trần Duy H, Lê Thị O phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T, N, B, T, O, Trần Duy H có đơn xin xác nhận luôn chấp hành tốt các quy định về pháp luật ở địa phương để được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đã được chính quyền địa phương xem xét và xác nhận đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo bị áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ. Do nghề nghiệp chính của các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại không có đề nghị gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 búa bằng kim loại cán dài 92cm, bản búa dài 20,6cm; 01 búa bằng kim loại cán dài 55cm; bản búa dài 18,3cm là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 thềm nan chất xi măng dài 4,55m, gia đình bị cáo T mua mục đích để hàng ngày ra xem đất của trang trại sạt, lở như thế nào và gia đình nhà bị cáo cũng có nuôi cá lồng trên sông nên mua để phục vụ cho nhu cầu nuôi cá của gia đình nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với dây neo tàu, quả neo bị các bị cáo chặt thả xuống sông cơ quan điều tra không trực vớt được nên không xem xét giải quyết.

Đối với 03 điện thoại các bị cáo T, O, B sử dụng để liên lạc đã làm hỏng mất không thu giữ được nên không xem xét giải quyết.

[6] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Hện Yên Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Hện Yên Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố: Các bị cáo Cao Thị T, Lưu Văn T, Trần Văn H, Bùi Văn H, Hoàng Văn N, Đàm Văn B, Trần Duy H, Phạm Văn T4, Lê Thị O phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

II. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; 58 của Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn H, Phạm Văn T4, Bùi Văn H, áp dụng thêm điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T4, Trần Văn H. Xử phạt:

1. Bị cáo Trần Văn H **09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Bị cáo Phạm Văn T4 **09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Bị cáo Bùi Văn H **08 (tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; 58 của Bộ luật Hình sự đối với Cao Thị T, Hoàng Văn N, Đàm Văn B. Xử phạt:

1. Bị cáo Cao Thị T **02 (hai)** năm **03 (ba)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân phường TQ, T phó Tuyên Quang được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

2. Bị cáo Hoàng Văn N **01 (một)** năm **09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân xã H Đức, Hện HY được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

3. Bị cáo Đàm Văn B **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân phường ML, T phó Tuyên Quang được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

Giao bị cáo Cao Thị T cho Ủy ban nhân dân phường TQ, T phó Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao bị cáo Hoàng Văn N cho Ủy ban nhân xã H Đức, Hện HY giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao bị cáo Đàm Văn B cho Ủy ban nhân phường ML, T phó Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; 58 của Bộ luật Hình sự đối với Lưu Văn T, Lê Thị O, Trần Duy H. Xử phạt:

1. Bị cáo Lưu Văn T **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân phường TQ, T phó Tuyên Quang được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

2. Bị cáo Lê Thị O **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân thị trấn Yên Sơn, Hện Yên Sơn được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

3. Bị cáo Trần Duy H **01** (*một*) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân phường MX, T phố Tuyên Quang được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

Giao bị cáo Lưu Văn T cho Ủy ban nhân dân phường TQ, T phố Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao bị cáo Lê Thị O cho Ủy ban nhân thị trấn Yên Sơn, Hện Yên Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt

Giao bị cáo Trần Duy H cho Ủy ban nhân phường MX, T phố Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

III. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 búa bằng kim loại cán dài 92cm, bản búa dài 20,6cm; 01 búa bằng kim loại cán dài 55cm; bản búa dài 18,3cm

Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an Hện Yên Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự Hện Yên Sơn ngày 23/6/2021.

Trả lại cho bị cáo Cao Thị T 01 tHên nan chất xi măng dài 4,55m.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an Hện Yên Sơn và bị cáo Lưu Văn T.

IV. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Trần Văn B2, Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần công nghiệp TH vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Hện Yên Sơn;
- CQCSĐT Công an Hện Yên Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS Hện Yên Sơn;
- Người tham gia tổ tụng;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu.

Phạm Thị Quỳnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Hện Sơn Dương;
- Công an Hện Sơn Dương;
- Chi cục T.H.A dân sự Hện SD;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Quỳnh

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Quốc Thể Phạm Văn Vượng

Phạm Thị Quỳnh